

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án Khu phi thuế quan (đợt 13) thuộc dự án Bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1200/TTr-STNMT ngày 05/6/2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án Khu phi thuế quan (đợt 13) thuộc dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội tại các phụ lục kèm theo Quyết định này.

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 2.539.023.852 đồng (*Hai tỷ, năm trăm ba mươi chín triệu, không trăm hai mươi ba ngàn, tám trăm năm mươi hai đồng*), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 2.384.239.072 đồng;
- Giá trị thưởng giao trả mặt bằng sớm (nếu có): 105.000.000 đồng;
- Chi phí phục vụ GPMB 2%: 49.784.780 đồng (Bao gồm chi phí thẩm định 0,2% là 4.978.000 đồng; Trong đó chi phí thẩm định phương án của Sở Tài nguyên và Môi trường là 3.484.600 đồng).

Nguồn vốn chi trả: Ngân sách Nhà nước

2. Về tái định cư: Bố trí 13 lô đất tái định cư cho 11 hộ gia đình và 02 cặp vợ chồng sống chung trong hộ đủ điều kiện bố trí tái định cư tại Khu TĐC Nhơn Phước; số tiền sử dụng đất các hộ phải nộp là 514.971.488 đồng.

(Có 02 phụ lục chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Giao Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các ngành tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB Khu kinh tế, hộ gia đình có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *Am*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCTUBND tỉnh;
- Ban BTGPMB&TĐC KKT;
- Lưu: VT + K7. *2*



**Hà Quốc Dũng**



# PHỤ LỤC 01

**Giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án Khu phi thuế quan (đợt 13) thuộc dự án Bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội**

(Kèm theo Quyết định số **1591** /QĐ-UBND ngày **19** tháng 6 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

| TT | Họ và tên                        | Địa chỉ                      | Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> ) | Giá trị bồi thường, hỗ trợ |                  |             |                   | Tổng cộng   | Thưởng giao trả mặt bằng (nếu có) |
|----|----------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------|------------------|-------------|-------------------|-------------|-----------------------------------|
|    |                                  |                              |                                         | Đất                        | Cây cối, hoa màu | Tài sản     | Chính sách hỗ trợ |             |                                   |
| 1  | Trần Minh Cư<br>Đào Thị Dư       | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 270.00                                  | 45.890.000                 | 44.435.300       | 178.467.400 | 50.784.000        | 319.576.700 | 7.000.000                         |
| 2  | Trịnh Xuân Ca                    | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 295.00                                  | 38.565.000                 | 926.000          | 5.938.600   | 35.612.000        | 81.041.600  | 7.000.000                         |
| 3  | Tạ Thị Chí Hoa                   | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 294.50                                  | 38.551.500                 | 1.029.000        | 81.265.000  | 28.528.000        | 149.373.500 | 7.000.000                         |
| 4  | Phạm Thị Nữ                      | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 273.00                                  | 37.971.000                 | 903.300          | 119.324.900 | 30.220.000        | 188.419.200 | 7.000.000                         |
| 5  | Trần Thị Ngọc Bích               | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 196.60                                  | 35.388.000                 | 6.045.000        | 77.074.200  | 29.092.000        | 147.599.200 | 7.000.000                         |
| 6  | Mai Thị Thủy                     | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 199.60                                  | 35.928.000                 | 347.100          | 43.714.161  | 32.228.000        | 112.217.261 | 7.000.000                         |
| 7  | Hoàng Linh<br>Võ Thị Kim Hồ      | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 206.10                                  | 36.164.700                 | 912.000          | 39.607.900  | 29.656.000        | 106.340.600 | 7.000.000                         |
| 8  | Trần Oanh Oanh                   | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 318.00                                  | 39.186.000                 | 1.589.000        | 28.787.700  | 29.092.000        | 98.654.700  | 7.000.000                         |
| 9  | Nguyễn Ngọc Sơn<br>Lâm Thị Nghĩa | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 161.10                                  | 35.442.000                 | 1.979.200        | 159.484.994 | 30.220.000        | 227.126.194 | 7.000.000                         |

*Suh*

*An*

|                  |                                    |                                                   |                 |                    |                   |                      |                    |                      |                    |
|------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------|--------------------|-------------------|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| 10               | Nguyễn Gia Bình<br>Huỳnh Thị Thanh | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội                      | 180.40          | 32.472.000         | 9.393.500         | 221.847.400          | 134.508.000        | 398.220.900          | 7.000.000          |
| 11               | Nguyễn Thị Quý<br>Hương            | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội                      | 211.80          | 44.318.600         | 7.867.800         | 86.527.400           | 29.092.000         | 167.805.800          | 7.000.000          |
| 12               | Nguyễn Thị Ngọc<br>Bích            | tạm trú thôn<br>Hội<br>Lợi, xã Nhơn<br>Hội        | 368.60          | 22.552.200         | 6.141.600         | 205.123.800          | 0                  | 233.817.600          | 7.000.000          |
| 13               | Đặng Thị Côn                       | KV 6, phường<br>Lê Hồng<br>Phong,<br>Tp. Quy Nhơn | 302.50          | 20.767.500         | 431.360           | 25.935.000           | 0                  | 47.133.860           | 7.000.000          |
| 14               | Nguyễn Đình Trí                    | phường Trần<br>Phú,<br>Tp. Quy Nhơn               | 265.20          | 19.760.400         | 1.095.000         | 36.240.358           | 0                  | 57.095.758           | 7.000.000          |
| 15               | Nguyễn Thị Kim Hoa                 | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội                      | 263.20          | 19.706.400         | 2.125.100         | 27.984.700           | 0                  | 49.816.200           | 7.000.000          |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                    |                                                   | <b>3.805.60</b> | <b>502.663.300</b> | <b>85.220.260</b> | <b>1.337.323.512</b> | <b>459.032.000</b> | <b>2.384.239.072</b> | <b>105.000.000</b> |

*Sul*

*An*



## PHỤ LỤC 02

### Giao đất tái định cư và tiền sử dụng đất phải nộp tại Khu tái định cư Nhơn Phước thực hiện dự án: Khu phi thuế quan (đợt 13) thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội

(Kèm theo Quyết định số **1591** /QĐ-UBND ngày **19** tháng 6 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| TT | Họ và tên                  | Địa chỉ                      | Lô đất tái định cư bố trí |       |     |                             |                                                | Giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp (đồng) | Ghi chú                                                                                                              |
|----|----------------------------|------------------------------|---------------------------|-------|-----|-----------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                            |                              | Lô đất                    | Đường | Khu | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Đơn giá đất tái định cư (đồng/m <sup>2</sup> ) |                                             |                                                                                                                      |
| 1  | Trần Minh Cư<br>Đào Thị Dư | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 571                       | DS22  | D3  | 200.0                       | 233.600                                        | 44.000.000                                  | Nộp tiền sử dụng đất theo giá đất ở bồi thường                                                                       |
| 2  | Trần Thị Minh Đủ           | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 570                       | DS22  | D3  | 151.5                       | 233.600                                        | 24.773.280                                  | Nộp 70% tiền sử dụng đất theo giá đất TĐC                                                                            |
| 3  | Trịnh Xuân Ca              | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 231                       | DS3   | B2  | 212.5                       | 233.600                                        | 39.504.000                                  | Nộp 200m <sup>2</sup> theo giá đất bồi thường và 12,5m <sup>2</sup> theo giá đất TĐC nhân với hệ số lô góc 1,2 lần   |
| 4  | Tạ Thị Chí Hoa             | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 355                       | DS3   | C1  | 200.0                       | 233.600                                        | 36.000.000                                  | Nộp tiền sử dụng đất theo giá đất ở bồi thường                                                                       |
| 5  | Phạm Thị Nữ                | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 390                       | DS18  | C2  | 200.0                       | 280.000                                        | 36.000.000                                  | Nộp tiền sử dụng đất theo giá đất ở bồi thường                                                                       |
| 6  | Trần Thị Ngọc Bích         | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 454                       | DS22  | C3  | 200.0                       | 233.600                                        | 36.182.240                                  | Nộp 196,6m <sup>2</sup> theo giá đất bồi thường, 3,4m <sup>2</sup> theo giá đất TĐC                                  |
| 7  | Mai Thị Thủy               | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 249a                      | DS12  | B2  | 212.5                       | 233.600                                        | 39.544.128                                  | Nộp 199,6m <sup>2</sup> theo giá đất bồi thường và 12,9m <sup>2</sup> theo giá đất TĐC nhân với hệ số lô góc 1,2 lần |

BVL

Am

|                   |                                            |                              |     |      |    |       |         |                    |                                                                                            |
|-------------------|--------------------------------------------|------------------------------|-----|------|----|-------|---------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8                 | <b>Hoàng Linh<br/>Võ Thị Kim Hồ</b>        | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 573 | DS22 | D3 | 221.2 | 233.600 | 40.952.320         | Nộp 200m <sup>2</sup> theo giá đất<br>bồi thường, 21,2m <sup>2</sup> theo<br>giá đất TĐC   |
| 9                 | <b>Trần Oanh Oanh</b>                      | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 572 | DS22 | D3 | 219.1 | 233.600 | 40.461.760         | Nộp 200m <sup>2</sup> theo giá đất<br>bồi thường, 19,1m <sup>2</sup> theo<br>giá đất TĐC   |
| 10                | <b>Nguyễn Ngọc Sơn<br/>Lâm Thị Nghĩa</b>   | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 113 | DS11 | A3 | 202.0 | 420.000 | 52.620.000         | Nộp 161,1m <sup>2</sup> theo giá đất<br>bồi thường, 40,9m <sup>2</sup> theo<br>giá đất TĐC |
| 11                | <b>Nguyễn Gia Bình<br/>Huỳnh Thị Thanh</b> | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 71  | DS2  | A2 | 262.0 | 233.600 | 51.533.760         | Nộp 180,4m <sup>2</sup> theo giá đất<br>bồi thường, 81,6m <sup>2</sup> theo<br>giá đất TĐC |
| 12                | <b>Nguyễn Đức Nhân<br/>Huỳnh Thị Hương</b> | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 108 | DS6  | A3 | 150   | 280.000 | 29.400.000         | Nộp 70% tiền sử dụng<br>đất theo giá đất TĐC                                               |
| 13                | <b>Nguyễn Thị Quý Hương</b>                | thôn Hội Lợi,<br>xã Nhơn Hội | 112 | DS11 | A3 | 200   | 420.000 | 44.000.000         | Nộp tiền sử dụng đất theo<br>giá đất ở bồi thường                                          |
| <b>Tổng cộng:</b> |                                            |                              |     |      |    |       |         | <b>514.971.488</b> |                                                                                            |

*ĐV*

*Am*